

CHÍNH PHỦ

Số: **72/2006/NĐ-CP**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện,
Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về việc thành lập, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài; Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp thương nhân đó chuyên hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá.

2. Văn phòng đại diện, Chi nhánh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập tại Việt Nam không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Quyền thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Thương nhân nước ngoài được thành lập Văn phòng đại diện của mình tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Văn phòng đại diện) theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 22 của Luật Thương mại và quy định của Nghị định này.

2. Thương nhân nước ngoài được thành lập Chi nhánh của mình tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chi nhánh) theo các cam kết của Việt Nam trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định tại Điều 16, Điều 19, Điều 20, Điều 22 của Luật Thương mại và quy định của Nghị định này.

Giao Bộ trưởng Bộ Thương mại căn cứ vào các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên công bố và hướng dẫn các hoạt động mua bán hàng hoá và hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá mà Chi nhánh của thương nhân nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam.

3. Văn phòng đại diện, Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài. Không được thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh trực thuộc Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

4. Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thương mại đặc thù (ngân hàng, tài chính, dịch vụ pháp lý, văn hoá, giáo dục, du lịch hoặc các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật) được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật đó.

Điều 3. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Bộ Thương mại thực hiện việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định này.

2. Sở Thương mại, Sở Thương mại - Du lịch (sau đây gọi chung là Sở Thương mại) thực hiện việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Chương II

CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH

Điều 4. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Thương nhân nước ngoài được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam khi có đủ các điều kiện sau:

a) Là thương nhân được pháp luật nước, vùng lãnh thổ (sau đây gọi chung là nước) nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh công nhận hợp pháp;

b) Đã hoạt động không dưới 01 năm, kể từ khi được thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hợp pháp ở nước của thương nhân.

2. Thương nhân nước ngoài được cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh tại Việt Nam khi có đủ các điều kiện sau:

a) Là thương nhân được pháp luật nước nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh công nhận hợp pháp;

b) Đã hoạt động không dưới 05 năm, kể từ khi thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hợp pháp.

3. Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại Việt Nam của thương nhân nước ngoài có thời hạn 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài trong trường hợp pháp luật nước ngoài có quy định thời hạn Giấy đăng ký kinh doanh của thương nhân nước ngoài.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Thương mại do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

b) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập xác nhận. Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương có quy định thời hạn hoạt động của thương nhân nước ngoài thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm;

c) Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh được sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

d) Bản sao Điều lệ hoạt động của thương nhân đối với thương nhân nước ngoài là các tổ chức kinh tế.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh theo mẫu của Bộ Thương mại do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

b) Bản sao Điều lệ hoạt động của Chi nhánh, trong đó quy định rõ phạm vi ủy quyền cho người đứng đầu Chi nhánh;

c) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận. Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương có quy định thời hạn hoạt động của thương nhân nước ngoài thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 03 năm;

d) Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và các hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất.

3. Các giấy tờ quy định tại điểm b, c khoản 1 và điểm b, c, d khoản 2 Điều này phải dịch ra tiếng Việt, được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Các trường hợp không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh cho thương nhân nước ngoài trong các trường hợp sau đây:

1. Thương nhân nước ngoài không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 của Nghị định này.

2. Thương nhân nước ngoài chỉ kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Thương nhân nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong thời gian 02 năm, kể từ ngày bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định này.

4. Có bằng chứng cho thấy việc thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và sức khoẻ của nhân dân, làm huỷ hoại tài nguyên, phá huỷ môi trường.

5. Nộp hồ sơ không hợp lệ và không bổ sung đủ hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thời hạn cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Thương nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh đến cơ quan cấp Giấy phép quy định tại Điều 3 của Nghị định này.

2. Đối với việc thành lập Văn phòng đại diện, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Thương mại hoàn thành việc thẩm định và cấp cho thương nhân nước ngoài Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và gửi bản sao Giấy phép tới Bộ Thương mại, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện đặt trụ sở.

3. Đối với việc thành lập Chi nhánh, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thương mại hoàn thành việc thẩm định và cấp cho thương nhân nước ngoài Giấy phép thành lập Chi nhánh và gửi bản sao Giấy phép tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Thương mại, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Chi nhánh đặt trụ sở.

4. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép phải thông báo bằng văn bản để thương nhân nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

5. Các thời hạn nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều này không bao gồm thời gian thương nhân nước ngoài sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

6. Ngay sau khi hết thời hạn quy định nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều này mà không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 của Nghị định này phải thông báo bằng văn bản cho thương nhân nước ngoài về lý do không cấp giấy phép.

Điều 8. Thông báo hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép, Văn phòng đại diện, Chi nhánh phải đăng báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp về những nội dung sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng đại diện, Chi nhánh;
- b) Tên, địa chỉ trụ sở của thương nhân nước ngoài;
- c) Người đứng đầu Văn phòng đại diện, Chi nhánh;
- d) Số, ngày cấp, thời hạn của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh, cơ quan cấp Giấy phép;
- đ) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Văn phòng đại diện phải chính thức hoạt động và thông báo cho Sở Thương mại về việc mở cửa hoạt động tại trụ sở đã đăng ký.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Chi nhánh phải chính thức hoạt động và thông báo cho Bộ Thương mại và Sở Thương mại nơi Chi nhánh đặt trụ sở về việc mở cửa hoạt động tại trụ sở đã đăng ký.

Điều 9. Thành lập bộ máy quản lý của Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Việc thành lập bộ máy quản lý và cử nhân sự lãnh đạo của Văn phòng đại diện, Chi nhánh do thương nhân nước ngoài quyết định.

2. Số người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện, Chi nhánh phải phù hợp với pháp luật về lao động và cam kết quốc tế của Việt Nam tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Trong những trường hợp sau đây, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh với cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi:

- a) Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện, Chi nhánh;
- b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài trong phạm vi nước nơi thương nhân thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;
- c) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- d) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh tại Việt Nam;
- đ) Thay đổi tên gọi hoặc hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh bao gồm:

- a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Thương mại do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;
- b) Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã được cấp.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của thương nhân nước ngoài, cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Giấy phép và gửi bản sao Giấy phép đã được sửa đổi, bổ sung cho các cơ quan quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.

Điều 11. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Trong những trường hợp sau đây, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh với cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi:

a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác;

b) Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của thương nhân nước ngoài từ một nước sang một nước khác;

c) Thay đổi hoạt động của thương nhân nước ngoài.

2. Trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh với cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi phát sinh sự kiện.

Điều 12. Hồ sơ cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Thương mại do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

b) Xác nhận của cơ quan đã cấp Giấy phép về việc xoá đăng ký Văn phòng đại diện tại địa phương cũ;

c) Bản sao có công chứng Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Thương mại do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

b) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận. Các giấy tờ quy định tại điểm này phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã được cấp.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11 bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Thương mại do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

b) Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã được cấp (nếu có).

Điều 13. Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 của Nghị định này, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại Sở Thương mại nơi đang đặt trụ sở và đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Sở Thương mại nơi dự kiến đặt trụ sở mới.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Sở Thương mại nơi thương nhân nước ngoài đang đặt trụ sở Văn phòng đại diện có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản về việc xoá đăng ký thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp tại địa phương mình.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của thương nhân nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 12, Sở Thương mại nơi thương nhân nước ngoài dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện mới có trách nhiệm cấp lại Giấy phép với thời hạn không quá thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp và thông báo cho các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

2. Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của thương nhân nước ngoài theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 12, cơ quan đã cấp Giấy phép có trách nhiệm cấp lại Giấy phép với thời hạn không quá thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã được cấp và thông báo cho các cơ quan quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.

Điều 14. Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Thương nhân nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhu cầu tiếp tục hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Văn phòng đại diện, Chi nhánh;

b) Thương nhân nước ngoài đang hoạt động theo pháp luật của nước nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

c) Không có hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Thương mại do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

b) Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất. Các giấy tờ quy định tại điểm này phải dịch ra tiếng Việt Nam và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

d) Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã được cấp.

3. Trong thời hạn ít nhất 30 ngày, trước khi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh hết hạn, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục gia hạn.

4. Thời hạn cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh thực hiện như thời hạn cấp mới Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

5. Ngay sau khi hết thời hạn quy định nêu tại Điều này mà cơ quan có thẩm quyền không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh thì phải thông báo bằng văn bản cho thương nhân về lý do không gia hạn Giấy phép.

6. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Nghị định này về việc gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép.

7. Thời hạn gia hạn thực hiện như thời hạn Giấy phép của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 15. Lệ phí cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Thương nhân nước ngoài phải nộp lệ phí cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thương mại quy định cụ thể mức và việc quản lý lệ phí cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

Chương III

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH

Điều 16. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện bao gồm:

1. Thực hiện chức năng văn phòng liên lạc.
2. Xúc tiến xây dựng các dự án hợp tác của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
3. Nghiên cứu thị trường để thúc đẩy cơ hội mua bán hàng hoá, cung ứng và tiêu dùng dịch vụ thương mại của thương nhân mà mình đại diện.
4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết với các đối tác Việt Nam hoặc liên quan đến thị trường Việt Nam của thương nhân nước ngoài mà mình đại diện.
5. Các hoạt động khác mà pháp luật Việt Nam cho phép.

Điều 17. Nội dung hoạt động của Chi nhánh

1. Chi nhánh được tiến hành các hoạt động ghi trong Giấy phép thành lập và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định này.
2. Trường hợp Chi nhánh hoạt động trong các lĩnh vực mà pháp luật quy định phải có điều kiện thì Chi nhánh chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định.

Điều kiện hoạt động kinh doanh là yêu cầu mà Chi nhánh phải có hoặc phải thực hiện khi tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể, được thể hiện bằng Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bảo hiểm nghề nghiệp, yêu cầu về vốn pháp định hoặc yêu cầu khác được quy định theo pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 18. Mở tài khoản

1. Văn phòng đại diện được mở tài khoản chuyên chi bằng ngoại tệ và tài khoản chuyên chi bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ tại Ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này vào hoạt động của Văn phòng đại diện.

2. Chi nhánh được mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam phục vụ cho hoạt động của Chi nhánh.

Trong trường hợp đặc biệt, Chi nhánh được mở tài khoản tại Ngân hàng ở nước ngoài sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận. Chi nhánh có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tình hình sử dụng tài khoản mở ở nước ngoài.

3. Việc mở, sử dụng và đóng tài khoản của Văn phòng đại diện, Chi nhánh thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 19. Chế độ báo cáo hoạt động

1. Định kỳ hàng năm, trước ngày làm việc cuối cùng của tháng 01 năm kế tiếp, Văn phòng đại diện, Chi nhánh phải gửi báo cáo bằng văn bản về hoạt động trong năm của mình tới cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

2. Chi nhánh phải thực hiện chế độ báo cáo tài chính, chế độ báo cáo thống kê theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam, Văn phòng đại diện, Chi nhánh có nghĩa vụ báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 20. Quyền, nghĩa vụ của Văn phòng đại diện và người đứng đầu Văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện, người đứng đầu Văn phòng đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Thương mại và các quy định sau:

1. Văn phòng đại diện không được thực hiện chức năng làm đại diện cho thương nhân khác, không được cho thuê lại trụ sở Văn phòng đại diện.

2. Người đứng đầu Văn phòng đại diện của một thương nhân nước ngoài không được kiêm nhiệm các chức vụ sau:

a) Người đứng đầu Chi nhánh tại Việt Nam;

b) Người đại diện theo pháp luật của thương nhân nước ngoài để ký kết hợp đồng mà không cần uỷ quyền bằng văn bản của thương nhân nước ngoài;

c) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

3. Trong trường hợp thương nhân nước ngoài ủy quyền cho người đứng đầu Văn phòng đại diện giao kết hợp đồng, sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết thì phải thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản cho từng lần giao kết hợp đồng, sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Chi nhánh và người đứng đầu Chi nhánh

Chi nhánh, người đứng đầu Chi nhánh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Thương mại và các quy định sau:

1. Chi nhánh không được thực hiện chức năng đại diện cho thương nhân khác, không được cho thuê lại trụ sở Chi nhánh.

2. Người đứng đầu Chi nhánh của thương nhân nước ngoài không được kiêm nhiệm các chức vụ sau:

a) Người đứng đầu Văn phòng đại diện của cùng thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

b) Người đứng đầu Văn phòng đại diện, Chi nhánh của một thương nhân nước ngoài khác tại Việt Nam.

Điều 22. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Văn phòng đại diện, Chi nhánh chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của thương nhân nước ngoài và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

b) Khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

c) Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn;

d) Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh mà không được cơ quan cấp Giấy phép chấp thuận gia hạn;

đ) Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định này.

2. Trong thời hạn ít nhất 30 ngày, trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, thương nhân nước ngoài phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động đến cơ quan cấp Giấy phép, các chủ nợ, người lao động trong Văn phòng đại diện, Chi nhánh, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thông báo này phải nêu rõ thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh, phải niêm yết công khai tại trụ sở của Văn phòng đại diện, Chi nhánh và đăng báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh hoặc ngày quyết định thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này, cơ quan cấp Giấy phép phải công bố trên báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh và nêu rõ thời điểm chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thương nhân nước ngoài và Văn phòng đại diện, Chi nhánh hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 23 của Nghị định này, cơ quan cấp Giấy phép phải xoá tên Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong Sổ đăng ký.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày xoá tên Chi nhánh, Bộ Thương mại có trách nhiệm thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Thương mại, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Chi nhánh đặt trụ sở.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày xoá tên Văn phòng đại diện, Sở Thương mại có trách nhiệm thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện cho Bộ Thương mại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện đặt trụ sở.

Điều 23. Nghĩa vụ của thương nhân nước ngoài đối với Văn phòng đại diện, Chi nhánh

1. Thương nhân nước ngoài phải chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về toàn bộ hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh của mình tại Việt Nam.
2. Người đứng đầu Văn phòng đại diện, Chi nhánh phải chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình và của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo pháp luật Việt Nam trong trường hợp thực hiện các hoạt động ngoài phạm vi được ủy quyền.
3. Ít nhất là 15 ngày trước khi Văn phòng đại diện, Chi nhánh chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 22 của Nghị định này, thương nhân nước ngoài, Văn phòng đại diện, Chi nhánh có nghĩa vụ thanh toán xong các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.
4. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 22 của Nghị định này, thương nhân nước ngoài có nghĩa vụ thanh toán xong các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương IV QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH

Điều 24. Bộ Thương mại có trách nhiệm

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về Văn phòng đại diện, Chi nhánh.
2. Hướng dẫn việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện; thực hiện việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh.
3. Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý của các Sở Thương mại về hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trên phạm vi cả nước.
4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan thanh tra, kiểm tra Văn phòng đại diện, Chi nhánh khi thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương.
5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu về Văn phòng đại diện, Chi nhánh trên phạm vi toàn quốc.
6. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo thẩm quyền.

Điều 25. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm

1. Chỉ đạo Sở Thương mại thẩm định, cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 3 của Nghị định này.

2. Thực hiện theo thẩm quyền việc quản lý đối với hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh và người đứng đầu Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại địa phương.

3. Chỉ đạo Sở Thương mại thanh tra, kiểm tra Văn phòng đại diện, Chi nhánh khi thấy cần thiết hoặc tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành theo đề nghị của các cơ quan chuyên môn của địa phương.

Điều 26. Sở Thương mại có trách nhiệm

1. Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 3 của Nghị định này.

2. Thanh tra, kiểm tra Văn phòng đại diện, Chi nhánh khi thấy cần thiết theo quy định của pháp luật hoặc tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Thương mại về tình hình cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại địa phương.

4. Cung cấp thông tin, báo cáo để Bộ Thương mại xây dựng cơ sở dữ liệu về Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

Điều 27. Thanh tra, kiểm tra

1. Trong quá trình hoạt động, Văn phòng đại diện và Chi nhánh phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26 của Nghị định này và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh phải bảo đảm thực hiện đúng chức năng, đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

2. Người ra quyết định thanh tra, kiểm tra không đúng pháp luật hoặc lợi dụng thanh tra, kiểm tra để sách nhiễu, gây phiền hà cho hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1. Thương nhân nước ngoài, Văn phòng đại diện, Chi nhánh có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này hoặc có hành vi vi phạm cụ thể sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Kê khai không trung thực, không chính xác, không kịp thời nội dung, thay đổi trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh;

b) Không hoạt động trong thời hạn quy định sau khi được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh;

c) Không thông báo cho cơ quan cấp Giấy phép trong thời hạn quy định về thời điểm mở cửa để hoạt động;

d) Không có địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh hoặc cho thuê lại trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh;

đ) Không thực hiện báo cáo định kỳ về hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh với cơ quan cấp Giấy phép theo quy định;

e) Không thực hiện báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép theo quy định của Nghị định này;

h) Tẩy xoá, sửa chữa các nội dung trong Giấy phép được cấp;

i) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh ghi trong Giấy phép;

k) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định của Nghị định này;

l) Vi phạm các nghĩa vụ của Văn phòng đại diện, Chi nhánh và người đứng đầu Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định của Nghị định này;

m) Tiếp tục hoạt động sau khi thương nhân nước ngoài đã chấm dứt hoạt động;

n) Tiếp tục hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

2. Văn phòng đại diện, Chi nhánh bị thu hồi Giấy phép thành lập trong các trường hợp sau đây:

a) Không chính thức đi vào hoạt động trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập;

b) Ngừng hoạt động 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan cấp Giấy phép thành lập;

c) Không báo cáo định kỳ về hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong 02 năm liên tiếp;

d) Không gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản;

đ) Hoạt động không đúng chức năng của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu Văn phòng đại diện, Chi nhánh vi phạm các quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Thương nhân nước ngoài tổ chức hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Văn phòng đại diện, Chi nhánh mà không có Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh thì bị chấm dứt hoạt động tại Việt Nam và bị xử lý vi phạm theo pháp luật Việt Nam.

Điều 29. Khiếu nại, tố cáo

Thương nhân nước ngoài có quyền khiếu nại, tố cáo đối với việc cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh, các quyết định và hành vi trái pháp luật, gây khó khăn, phiền hà của công chức, cơ quan nhà nước. Việc khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Nghị định này thay thế các quy định liên quan đến Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài trong Nghị định số 45/2000/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2000 của Chính phủ quy định về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài và doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.
3. Những quy định trước đây về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trái với quy định của Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 31. Quy định chuyển tiếp

1. Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực vẫn được tiếp tục hoạt động theo đúng nội dung quy định trong Giấy phép đã cấp và phải làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định của Nghị định này trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.
2. Chi nhánh của các công ty thuốc lá nước ngoài đã được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hoạt động theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Thương mại chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng - Đã ký**

- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN, BNC, Website Chính phủ, Ban Điều hành 112, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (3b). Trang (315b).